TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **78** /2026/DS-ST

Ngày: 29 - 6 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tài.

2. Bà Phan Thị Bích .

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2025/TLST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2026/QĐST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S1 (Nay là Ngân hàng TMCP S2), mã số doanh nghiệp: 0301103908, địa chỉ: Số B - B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn H, Giám đốc Phòng G, Ngân hàng TMCP S2 – Chi nhánh B.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Lâm Hùng S, sinh ngày: 10/3/1993, căn cước công dân số: 060093008682 và bà Hồ Nữ Diệu A, sinh ngày: 14/3/1989, căn cước công dân số: 060189009540, cùng địa chỉ: Tổ dân phố H T, phường L, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S1 (nay là Ngân hàng TMCP S2), và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 20/01/2025, ông Nguyễn Lâm Hùng S, bà Hồ Nữ Diệu A và Ngân hàng TMCP S1 (Nay là Ngân hàng TMCP S2) ký giao kết Hợp đồng tín dụng số 202528022517, các bên thống nhất Ngân hàng TMCP S1 đồng ý cấp tín dụng cho ông S, bà A số tiền là 1.250.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần, đến ngày 23/4/2025 lãi suất được điều chỉnh thành 10,7%/năm, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, và các thỏa thuận khác trong đó có nội dung thuộc điều khoản về cấp tín dụng có quy định về nghĩa vụ của bên vay phải chịu tiền lãi khi chậm thực hiện việc thanh toán nợ lãi đến hạn. Ngày 23/01/2025, Ngân hàng TMCP S1 đã thực hiện giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông S, bà A, bên vay đã ký giấy nhận nợ số LD2502300958, xác định nghĩa vụ trả nợ gốc là ngày 23/01/2026, kỳ trả lãi là vào ngày 23 hàng tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong các hợp đồng tín dụng giao kết với Ngân hàng TMCP S1, ngày 30/01/2023, ông Nguyễn Lâm Hùng S và Ngân hàng đã giao kết Hợp đồng thế chấp số 013LG/2023/TC, theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu dân cư N, phường L, tỉnh Lâm Đồng, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 138024, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (cũ) cấp ngày 29/8/2016. Hợp đồng thế chấp này được sửa đổi bổ sung bởi các Thỏa thuận số 01-013LG/2023/TC ngày 24/01/2024 và số 02-013LG/2023/TC ngày 22/01/2025, theo đó toàn bộ tài sản bảo đảm được nêu tại Hợp đồng thế chấp số 013LG/2023/TC sẽ được bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên vay tại Hợp đồng tín dụng số 202528022517, ngày 20/01/2025; nghĩa vụ thanh toán thẻ tín dụng của ông Nguyễn Lâm Hùng S, bà Hồ Nữ Diệu A.

Ngày 16/02/2022, ông Nguyễn Lâm Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, ngày 17/02/2022, Ngân hàng TMCP S3 cấp thẻ tín dụng cho ông S và bà A, theo đó mỗi người sẽ được cấp thẻ tín dụng có hạn mức là 30 triệu đồng, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 26,6%/năm. Ngày 11/8/2022, Ngân hàng nâng hạn mức tín dụng của mỗi thẻ lên 120 triệu đồng. Tính đến nay, việc sử dụng thẻ tín dụng của bà ông S và bà A là không vi phạm tuy nhiên do ông S, bà A phát sinh khoản nợ quá hạn nên theo quy định tại mục 24.3 bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, ông S, bà A phải thanh toán toàn bộ khoản vay này.

Kể từ ngày 23/6/2025, ông S và bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi đối với hợp đồng tín dụng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhưng bên vay không có phương án trả nợ, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án để được giải quyết:

+ Buộc ông Nguyễn Lâm Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A phải trả cho Ngân hàng TMCP S2 số tiền tính đến ngày 29/6/2026 là 1.420.056.813 đồng, trong đó: Nợ gốc khoản vay thế chấp là 1.250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 78.417.808 đồng, lãi quá hạn là 86.296.233 đồng, tiền lãi của lãi chậm trả là 5.342.772 đồng. Kể

từ ngày tiếp theo của ngày 29/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Nguyễn Lâm Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202528022517, ngày 20/01/2025; giấy nhận nợ số LD2502300958 ngày 23/01/2025.

+ Buộc ông Nguyễn Lâm Hùng S phải trả cho Ngân hàng TMCP S2 số tiền tính đến ngày 29/6/2026 là 116.357.154 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/02/2022.

+ Buộc bà Hồ Nữ Diệu A phải trả cho Ngân hàng TMCP S2 số tiền tính đến ngày 29/6/2026 là 118.348.012 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, bà A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/02/2022.

+ Trường hợp ông Nguyễn Lâm Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TMCP S2 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản thuộc quyền sở hữu của ông S, bà A gắn liền với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu dân cư N, phường L, tỉnh Lâm Đồng, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 138024, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (cũ) cấp ngày 29/8/2016, theo Hợp đồng thế chấp số 013LG/2023/TC, ngày 30/01/2023, được sửa đổi bổ sung bởi các Thỏa thuận số 01-013LG/2023/TC ngày 24/01/2024 và số 02-013LG/2023/TC ngày 22/01/2025.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tống đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố

tụng khác đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ để xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP S2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Lâm Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ thẻ tín dụng, hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản" theo quy định tại khoản 7 Điều 4, điểm a, d khoản 3 Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 317 Bộ luật Dân sự. Ông Nguyễn Lâm Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A có nơi cư trú tại tổ dân phố H T, phường L, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Lâm Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông S, bà A.

[3] Mặt khác, việc ông S, bà A không tham gia trình tự, thủ tục giải quyết vụ án là không thực hiện quyền "*chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn*" (Khoản 3 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự), không thực hiện nghĩa

vụ chứng minh khi phản đối yêu cầu của người khác đối với mình (Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự), do vậy phải chịu hậu quả pháp lý khi không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân (*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*), Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP S2 giao nộp, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông S, bà A tham gia vào các hợp đồng tín dụng, đề nghị cấp thẻ tín dụng, thế chấp tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ là khi có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, mục đích và nội dung của các thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức của xã hội, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà A vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo thỏa thuận, do vậy Ngân hàng TMCP S2 chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn, và khởi kiện yêu cầu ông S, bà A phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ là phù hợp với khoản 11 Điều 2, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN, ngày 28 tháng 6 năm 2023 (Sau đây gọi là Thông tư số 39/2016/TT-NHNN). Thực tế đến ngày xét xử sơ thẩm thì khoản nợ này cũng đã quá thời hạn thanh toán nợ gốc theo thỏa thuận. Việc thỏa thuận về các khoản tiền lãi trong hợp đồng và xác định dư nợ lãi của ông S, bà A theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, phương pháp tính lãi phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN, ngày 29/9/2017 của Thống đốc Ngân hàng N.

[6] Ngân hàng TMCP S2 cấp thẻ tín dụng và dịch vụ tín dụng theo yêu cầu của ông S, bà A, là phù hợp với quy định của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân

hàng, và các bản bản sửa đổi bổ sung (Văn bản có hiệu lực tại thời điểm cấp thẻ tín dụng) và Thông tư số 18/2024/TT-NHNN, ngày 28/6/2024, của Thống đốc Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng có hiệu lực từ ngày 01/7/2024. Do ông S, bà A có khoản nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu phải thanh toán đối với khoản nợ thẻ tín dụng là phù hợp với thỏa thuận tại mục 24.3 bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân.

[7] Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong các hợp đồng tín dụng giao kết với Ngân hàng TMCP S2, ngày 30/01/2023, ông Nguyễn Lâm Hùng S và Ngân hàng đã giao kết Hợp đồng thế chấp số 013LG/2023/TC, theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu dân cư N, phường L, tỉnh Lâm Đồng, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 138024, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (cũ) cấp ngày 29/8/2016. Hợp đồng thế chấp này được sửa đổi bổ sung bởi các Thỏa thuận số 01-013LG/2023/TC ngày 24/01/2024 và số 02-013LG/2023/TC ngày 22/01/2025, theo đó toàn bộ tài sản bảo đảm được nêu tại Hợp đồng thế chấp số 013LG/2023/TC sẽ được bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên vay tại Hợp đồng tín dụng số 202528022517, ngày 20/01/2025; nghĩa vụ thanh toán thẻ tín dụng của ông Nguyễn Lâm Hùng S, bà Hồ Nữ Diệu A. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc tài sản thế chấp được đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ đối với hợp đồng tín dụng và các nghĩa vụ phát sinh từ thẻ tín dụng của ông S, bà A là phù hợp.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S2 là có căn cứ để được chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Nguyễn Lâm Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ngoài ra ông S và bà A mỗi người phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ của mình theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, phải chịu chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 73, Điều 91, Điều 92, Điều 196, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 7 Điều 4, Điều 100, Điều 103, điểm a, d khoản 3 Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 40, Điều 317, Điều 406, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 11 Điều 2, Điều 13, Điều 20, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số , ngày 28 tháng 6 năm 2023.

- Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN, ngày 29/9/2017 của Thống đốc Ngân hàng N.

- Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, và các bản bản sửa đổi bổ sung;

- Thông tư số 18/2024/TT-NHNN, ngày 28/6/2024, của Thống đốc Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

- Khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S2:

+ Buộc ông Nguyễn Lâm Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A phải trả cho Ngân hàng TMCP S2 số tiền tính đến ngày 29/6/2026 là 1.420.056.813 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 78.417.808 đồng, lãi quá hạn là 86.296.233 đồng, tiền lãi của lãi chậm trả là 5.342.772 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Nguyễn Lâm

Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202528022517, ngày 20/01/2025; giấy nhận nợ số LD2502300958 ngày 23/01/2025.

+ Buộc ông Nguyễn Lâm Hùng S phải trả cho Ngân hàng TMCP S2 số tiền tính đến ngày 29/6/2026 là 116.357.154 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/02/2022.

+ Buộc bà Hồ Nữ Diệu A phải trả cho Ngân hàng TMCP S2 số tiền tính đến ngày 29/6/2026 là 118.348.012 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, bà A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/02/2022.

+ Trường hợp ông Nguyễn Lâm Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TMCP S2 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản thuộc quyền sở hữu của ông S, bà A gắn liền với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu dân cư N, phường L, tỉnh Lâm Đồng, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 138024, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (cũ) cấp ngày 29/8/2016, theo Hợp đồng thế chấp số 013LG/2023/TC, ngày 30/01/2023, được sửa đổi bổ sung bởi các Thỏa thuận số 01-013LG/2023/TC ngày 24/01/2024 và số 02-013LG/2023/TC ngày 22/01/2025.

2. Về án phí:

+ Ngân hàng TMCP S2 được nhận lại 28.540.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, theo Biên lai thu số 0010362, ngày 11/12/2025.

+ Ông Nguyễn Lâm Hùng S và bà Hồ Nữ Diệu A phải chịu 54.601.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ mà ông S và bà A cùng có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S2.

+ Ông Nguyễn Lâm Hùng S phải chịu 5.817.800 đồng và bà Hồ Nữ Diệu A phải chịu 5.917.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ mà ông S, bà A mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S2.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Phú